| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LẤP VÒ**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 76/2021/DS-ST
Ngày: 03-12-2021
"V/v tranh chấp về hợp đồng thi công"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Phan Thành Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Bà Nguyễn Thị Phượng.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2021/TLST-DS ngày 07/5/2021 về việc "Tranh chấp về hợp đồng thi công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2021/QĐST-DS ngày 11/10/2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Văn Đ, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 542, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ; (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phúc N, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 473, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ. (Vắng mặt không có lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2021, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 25/6/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn Mai Văn Đ trình bày:*

Ngày 19/12/2019, ông Mai Văn Đ với anh Nguyễn Phúc N có ký kết hợp đồng bơm cát san lắp mặt bằng khu vực Văn phòng ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ (Trong ngọn cầu Kênh 5); khối lượng cát bơm theo chiều cao san lắp đã được hai

bên thống nhất là dưới mực sơn đỏ 10cm, dưới cây đà 10cm và khoán trọn gói với số tiền là 180.000.000 đồng, chi phí phát sinh thêm khi tiến hành san lắp bên ngoài Văn phòng ấp là 4.000.000 đồng, tổng cộng là 184.000.000 đồng. Sau khi san lắp mặt bằng xong, anh N đã thanh toán cho ông Đ được số tiền 133.000.000 đồng, còn lại 51.000.000 đồng chưa thanh toán, mặc dù, ông Đ đã nhiều lần yêu cầu anh N thanh toán số nợ còn lại nhưng đến nay anh N vẫn không trả. Đến ngày 07/10/2020, ông Đ có khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò yêu cầu anh N trả số nợ còn lại. Ngày 15/12/2020, anh N có viết tờ cam kết với nội dung còn nợ tiền san lắp cát của ông Đ là 51.000.000 đồng và hứa sẽ trả dứt điểm vào ngày 30/12/2020. Do vậy, ngày 15/12/2020 ông Đ đã rút lại đơn khởi kiện. Sau đó, anh N đã trả cho ông Đ được số tiền 6.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 45.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay anh N vẫn không thực hiện việc trả tiền cho ông Đ theo đúng nội dung cam kết.

Vì vậy, ông Mai Văn Đ yêu cầu anh Nguyễn Phúc N có nghĩa vụ hoàn trả số tiền bơm cát còn nợ là 45.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi chậm thanh toán. Ngoài ra, ông Đ không có yêu cầu gì khác.

Tài liệu, chứng cứ để ông Đ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông Đ gồm có: Bản chính Hợp đồng bơm cát san lấp, đề ngày 19/12/2019 và bản chính Tờ cam kết, đề ngày 15/12/2020. Ngoài ra, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- *Đối với bị đơn Nguyễn Phúc N:* Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có người đại diện tham gia phiên họp, xét xử. Đồng thời, anh N cũng không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn Nguyễn Phúc N trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã không chấp hành sự triệu tập của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn Đ. Buộc anh Nguyễn Phúc N có nghĩa vụ trả cho ông Mai Văn Đ số tiền nợ san lắp cát là 45.000.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy, bị đơn Nguyễn Phúc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tiến hành xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xác định chứng cứ, đó là: *"Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận"*. Theo đó, nguyên đơn Mai Văn Đ cung cấp bản chính Tờ hợp đồng bơm cát san lắp, đề ngày 19/12/2019 và bản chính Tờ cam kết, đề ngày 15/12/2020 thể hiện số tiền mà bị đơn Nguyễn Phúc N còn nợ nguyên đơn là 51.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn trình bày là bị đơn đã trả được số tiền 6.000.000 đồng. Như vậy, bản chính Tờ hợp đồng bơm cát san lắp và Tờ cam kết là tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Và khoản 4 quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Theo đó, bị đơn Nguyễn Phúc N đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng từ Thông báo về việc thụ lý vụ án, đến Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Hơn nữa, Tòa án đã tống đạt Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và gửi kèm theo bản sao Tờ hợp đồng bơm cát san lắp và Tờ cam kết mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, trong đó bị đơn Nguyễn Phúc N và chị Nguyễn Thị Q (vợ bị đơn) nhận trực tiếp. Thế nhưng, bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Điều này cho thấy, bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình và không phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh thì phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật tố tụng

dân sự được quy định tại khoản 25 Điều 70 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn Đ yêu cầu anh Nguyễn Phúc N về số tiền nợ san lấp cát là 45.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Mai Văn Đ được chấp nhận toàn bộ và bị đơn không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí theo quy định tại các điều 11, 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bị đơn Nguyễn Phúc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Mai Văn Đ có mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn Nguyễn Phúc N vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 và khoản 25 Điều 70, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 95, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 357, 429, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn Đ.

2. Buộc anh Nguyễn Phúc N có nghĩa vụ trả cho ông Mai Văn Đ số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí và tạm ứng án phí:

- Anh Nguyễn Phúc N phải chịu 2.250.000 đồng (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Mai Văn Đ số tiền 1.125.000 đồng (Một triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) mà ông Đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số BI/2019/0014130 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Mai Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Anh Nguyễn Phúc N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Phan Thành Nhân**